

Số: /PA-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 6 năm 2026

PHƯƠNG ÁN
Tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Đề án số 10-ĐA/TU ngày 27/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện mô hình “Dân tin - Đảng cử” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Kết luận số 1001-KL/TU ngày 10/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phương án tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Trên cơ sở đề xuất của UBND các xã, phường, đặc khu, UBND tỉnh xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

Phần I
SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ;
THỰC TRẠNG VỀ THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH QUẢNG NGÃI

I. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Thực hiện chủ trương của Đảng và các quy định của pháp luật, trong những năm qua việc sắp xếp thôn, tổ dân phố trong tỉnh đã đạt được kết quả quan trọng, số lượng thôn, tổ dân phố giảm dần; nhiều thôn, tổ dân phố đã đáp ứng tiêu chí quy mô số hộ gia đình theo quy định hiện hành. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay vẫn còn nhiều thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; hướng dẫn của UBND tỉnh tại Công văn số 4946/UBND-NC ngày 29/5/2026 về quy mô số hộ gia đình đối với thôn, tổ dân

phổ có yếu tố đặc thù. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã năm 2025, bình quân số lượng thôn, tổ dân phố trên mỗi đơn vị hành chính cấp xã tăng lên nhiều¹, tạo áp lực quản lý lớn đối với chính quyền địa phương ở cơ sở.

Đối với đội ngũ người hoạt động không chuyên trách: Trong thời gian qua việc bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được duy trì theo các quy định hiện hành, bước đầu đáp ứng yêu cầu hoạt động ở cơ sở. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy chế độ, chính sách đối với đội ngũ còn chưa thực sự phù hợp với quy mô, tính chất địa bàn sau sắp xếp; năng lực đội ngũ còn hạn chế. Đồng thời, trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tính chất công việc ở cơ sở có nhiều thay đổi theo hướng tăng khối lượng, mở rộng phạm vi và yêu cầu cao hơn về chất lượng, kỹ năng thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, đặt ra yêu cầu cần tiếp tục rà soát, sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố để bảo đảm phù hợp với quy mô, tính chất công việc và yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh mới.

Từ thực tiễn trên, để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo chỉ đạo của Đảng, Nhà nước là phù hợp, cần thiết và tất yếu, nhằm giúp chính quyền cấp xã quản lý dân cư tập trung, đồng bộ, xuyên suốt; kịp thời truyền đạt chủ trương, chính sách từ cấp trên xuống người dân nhanh chóng hơn, hiệu quả hơn; đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện, phát triển nhanh và bền vững của cộng đồng thôn, tổ dân phố trong tình hình mới.

II. THỰC TRẠNG THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Đặc điểm, tình hình chung và thực trạng thôn, tổ dân phố

1.1. Đặc điểm, tình hình chung

Tỉnh Quảng Ngãi được thành lập theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Diện tích tự nhiên: 14.832,55 km², dân số 2.175.008 người².

Vị trí địa lý: Tỉnh Quảng Ngãi có vị trí địa lý chiến lược, nằm ở trung tâm khu vực miền Trung Việt Nam, hội tụ cả đường biên giới quốc tế và đường bờ biển dài.

Số lượng ĐVHC cấp xã: có 96 đơn vị hành chính cấp xã (86 xã, 09 phường và 01 đặc khu); có 65/96 đơn vị hành chính cấp xã là xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2026-2030, trong đó có: 07 xã khu vực I, 10 xã khu vực II và 48 xã khu vực III; 09 xã An toàn khu³.

1.2. Thực trạng thôn, tổ dân phố

¹ Trước sắp xếp tỉnh Quảng Ngãi năm 2025, bình quân mỗi ĐVHC cấp xã có 6,3 thôn, TDP (= 1710 thôn/272 ĐVHC cấp xã); sau sắp xếp bình quân mỗi ĐVHC cấp xã có 17,8 thôn, TDP (= 1710 thôn/96 ĐVHC cấp xã).

² Tại Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội và Công văn số 2471/CAT-QLHC(Đ1) ngày 22/4/2026 của Công an tỉnh cung cấp số liệu quy mô dân số trên địa bàn tỉnh (tính đến 31/12/2025).

³ Gồm: Măng Ri, Ngọc Linh, Ba Dinh, Ba Động, Ba Vinh, Ba Tơ, Sơn Tây, Sơn Tây Hạ và Sơn Tây Thượng là xã An toàn khu theo Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh.

- Tính đến ngày 31/5/2026, tỉnh Quảng Ngãi có **1.710** thôn, làng, tổ dân phố (trong đó: 1.471 thôn, 21 làng, 218 tổ dân phố).

- Có **1.104**⁴/1.710 thôn, làng, tổ dân phố thuộc vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số và miền núi (trong đó có: 1.008 thôn, 21 làng, 75 tổ dân phố).

- Có **561** thôn đặc biệt khó khăn/1.104 thôn, làng, tổ dân phố vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó có **127** thôn, tổ dân phố thuộc 09 xã⁵ có đường biên giới quốc gia trên đất liền (03 xã tiếp giáp với Lào; 05 xã tiếp giáp với Campuchia và 01 xã tiếp giáp với cả Lào và Campuchia).

- Thực trạng quy mô số hộ gia đình của **1.710** thôn, tổ dân phố, như sau:

+ Thôn có dưới 50 hộ: **52** thôn; Thôn có từ 60 đến dưới 200 hộ: **598** thôn; Thôn có từ 200 đến dưới 300 hộ: **288** thôn; Thôn có từ 300 hộ trở lên: **554** thôn;

+ Tổ dân phố có dưới 150 hộ: **01** tổ⁶; Tổ dân phố có từ 150 đến dưới 250 hộ: **15** tổ; Tổ dân phố có từ 250 đến dưới 450 hộ: **77** tổ; Tổ dân phố có từ 450 hộ trở lên: **125** tổ.

(có Phụ lục 1 - Hiện trạng thôn, TDP kèm theo)

Phần II

MỤC TIÊU, YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHÍ SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ

I. MỤC TIÊU

- Quán triệt Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới⁷.

- Kiện toàn, sắp xếp, tổ chức lại các thôn, tổ dân phố để có hệ thống các thôn, tổ dân phố ổn định, đồng bộ, thống nhất, có quy mô số hộ gia đình hợp lý, đảm bảo theo quy định, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, địa hình, phong tục tập quán, văn hóa, sinh hoạt cộng đồng của từng địa phương; nâng cao hiệu quả hoạt động của cộng đồng dân cư theo địa bàn thôn, tổ dân phố; nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy; hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của chính quyền cấp xã, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

- Kết quả việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn, tổ dân phố sẽ làm cơ sở quan trọng để tổ chức chi bộ Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội đồng bộ theo địa bàn thôn, tổ dân phố.

II. YÊU CẦU

⁴ Bao gồm 10 thôn thuộc 4 xã: Bình Minh, Trà Giang, Thiện Tín, Phước Giang

⁵ Các xã: Đăk Plô, Đăk Long, Dục Nông, Bờ Y, Sa Loong, Rờ Koi, Mô Rai, Ia Toi, Ia Đal.

⁶ Tổ dân phố Đồng Văn, phường Sa Huỳnh (49 hộ)

⁷ “Sắp xếp các thôn, tổ dân phố ở xã, phường và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới”

- Cấp ủy, chính quyền phải nhận thức rõ sự cần thiết của việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố, đồng thời thể hiện sự quyết tâm cao của các cấp lãnh đạo, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhằm tạo sự đồng thuận của Nhân dân, để Nhân dân hiểu và ủng hộ chủ trương sắp xếp, tổ chức lại các thôn, tổ dân phố.

- Việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn, tổ dân phố phải đảm bảo khách quan, hợp lý, đồng bộ, đúng quy định của pháp luật và điều kiện đặc thù của từng địa phương.

- Quá trình thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại phải đảm bảo hạn chế tối đa việc gây xáo trộn đời sống sinh hoạt của Nhân dân, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

- Trong quá trình rà soát, thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố phải đảm bảo đúng quy trình, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

III. NGUYÊN TẮC

Nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố phải thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 8 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

- Tuân thủ quy định của pháp luật; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; kế thừa và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp, phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa bàn, quy mô dân cư và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm các điều kiện thiết yếu phục vụ tổ chức và hoạt động của cộng đồng dân cư. Chính quyền địa phương cấp xã có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện cần thiết cho tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

- Việc thành lập thôn, tổ dân phố phải phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hoá, dân tộc, tôn giáo, truyền thống; điều kiện đặc thù của từng đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đối với các thôn, tổ dân phố khi chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa, phân bố dân cư và yêu cầu tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư.

- Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố cần xem xét kỹ lưỡng các yếu tố về vị trí địa lý, địa hình, phong tục, tập quán, dân tộc, tôn giáo, đặc điểm dân cư, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nguyện vọng của Nhân dân tại địa phương; bảo đảm thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở.

- Việc xác định loại hình thôn, tổ dân phố theo quy định và đặt tên thôn, tổ dân phố được thực hiện đồng thời trong quy trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố. Việc đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện trong trường hợp trùng

tên thôn, tổ dân phố trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã hoặc theo nguyện vọng của Nhân dân ở thôn, tổ dân phố.

- Trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại các thôn, tổ dân phố, trường hợp thật sự cần thiết và phù hợp thực tiễn địa bàn quản lý, UBND cấp xã có thể điều chỉnh, thay đổi lại phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố nhưng phải đảm bảo thôn, tổ dân phố sau sắp xếp, tổ chức lại đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định và số lượng thôn, tổ dân phố giảm sau sắp xếp không thấp hơn số lượng thôn, tổ dân phố tại Phương án này. Khuyến khích sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố nhằm giảm đầu mối, nhất là đối với những xã, phường có số lượng thôn, tổ dân phố nhiều.

IV. TIÊU CHUẨN QUY MÔ SỐ HỘ GIA ĐÌNH CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Tiêu chuẩn thôn, tổ dân phố theo vùng, miền

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên:

- Thôn có từ 300 hộ trở lên;
- Tổ dân phố có từ 450 hộ trở lên.

2. Tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù

Căn cứ khoản 3 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi hướng dẫn quy mô số hộ gia đình đối với thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù (*Công văn số 4946/UBND-NC ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh*), cụ thể sau:

2.1. Thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn thì quy mô thôn có từ **200** hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ **250** hộ gia đình trở lên.

2.2. Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô thôn có từ **60** hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ **150** hộ gia đình trở lên.

2.3. Trường hợp thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù không đạt tiêu chí quy mô số hộ gia đình nêu tại điểm a, b tiểu mục 2, mục IV phần II Phương án này và không thể thực hiện sắp xếp do khoảng cách, vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, văn hóa, tôn giáo ... hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư thì Ủy ban nhân dân cấp xã giải trình rõ lý do các yếu tố đặc thù của địa phương, sự cần thiết, căn cứ đề xuất không thực hiện sắp xếp tại Phương án và chịu trách nhiệm về Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố để làm cơ sở xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố.

V. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG THÔN, TỔ DÂN PHỐ SO VỚI TIÊU CHUẨN QUY MÔ SỐ HỘ GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI THÔN, TỔ DÂN PHỐ THEO QUY ĐỊNH

1. Đánh giá thực trạng theo từng nhóm tiêu chuẩn

- Nhóm tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình tại điểm đ, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ như đã nêu trên, có **679** thôn, tổ dân phố (554 thôn, 125 tổ dân phố) tại **69** xã, phường, đặc khu đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình từ 300 hộ trở lên, tổ dân phố có từ 450 trở lên; có **1.031** thôn, tổ dân phố (938 thôn, 93 tổ dân phố) không đạt tiêu chuẩn.

- Nhóm tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình của thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù tại hướng dẫn của UBND tỉnh như đã nêu trên, thì:

+ Đối với thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn: Có **468** thôn, **tổ dân phố/1.104** thôn, tổ dân phố tại **69** xã, phường⁸ đạt tiêu chuẩn quy mô thôn có từ **200** hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ **250** hộ gia đình trở lên (399 thôn, 69 tổ dân phố); **636** thôn, **tổ dân phố/1.104** thôn, tổ dân phố dưới tiêu chuẩn (630 thôn, 6 tổ dân phố).

+ Đối với thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo: Có **131** thôn, **tổ dân phố/133** thôn, tổ dân phố⁹ tại **10** xã, đặc khu đạt tiêu chuẩn quy mô thôn có từ **60** hộ gia đình trở lên (124 thôn, 7 tổ dân phố); tổ dân phố có từ **150** hộ gia đình trở lên; **02** thôn¹⁰/133 thôn, tổ dân phố dưới tiêu chuẩn.

2. Đánh giá thực trạng theo tổng quan chung của các tiêu chuẩn

Căn cứ các tiêu chuẩn quy định tại điểm đ, khoản 1 và khoản 3, Điều 10, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và hướng dẫn quy mô số hộ gia đình đối với thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù của UBND tỉnh và thực trạng thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh¹¹ thì:

Toàn tỉnh có **1.010** thôn, **tổ dân phố** (843 thôn, 167 tổ dân phố) đạt tiêu chuẩn¹² (chiếm tỷ lệ 59,06%), có **700** thôn, **tổ dân phố** (649 thôn, 51 tổ dân phố) không đạt tiêu chuẩn (chiếm tỷ lệ 40,94%)¹³.

⁸ 65 xã miền núi và 4 xã Bình Minh, Trà Giang, Thiện Tín, Phước Giang

⁹ Có 120 thôn và 7 tổ dân phố thuộc 9 xã biên giới và 6 thôn thuộc Đặc khu Lý Sơn

¹⁰ Thôn Lộc Nông (53 hộ), thôn Quảng Nông (31 hộ) thuộc xã Dục Nông

¹¹ UBND tỉnh có Công văn số 4946/UBND-NC ngày 29/5/2026 hướng dẫn tiêu chuẩn thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù

¹² Thôn có quy mô số hộ gia đình từ 300 hộ trở lên, tổ dân phố có từ 450 hộ trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn có quy mô số hộ gia đình từ **200** hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ **250** hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo có quy mô số hộ gia đình từ **60** hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ **150** hộ gia đình trở lên

¹³ Chưa bao gồm: Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông có quy mô thôn từ **60** hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ **150** hộ gia đình trở lên và thôn có yếu tố đặc thù khác như: khoảng cách, vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, văn hóa, tôn giáo ... hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư (Nội dung này địa phương báo cáo giải trình rõ trong Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn, TDP).

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ VÀ BỐ TRÍ NHÂN SỰ SAU SẮP XẾP

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Qua rà soát, đánh giá thực trạng quy mô số hộ gia đình của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh và điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, phong tục tập quán, các yếu tố đặc thù của từng thôn, tổ dân phố; trên cơ sở đề nghị của xã, phường, đặc khu, tỉnh Quảng Ngãi tiến hành sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố như sau:

1. Thực hiện sắp xếp

Toàn tỉnh tổ chức, sắp xếp lại **1.100/1.710** thôn, tổ dân phố thuộc 87 xã, phường¹⁴ thành **551 thôn, tổ dân phố**; giảm **549/1.710** thôn, tổ dân phố so với trước khi sắp xếp, tổ chức lại. Chi tiết có phương án tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố tại Phụ lục 2.

(Có Phụ lục 2 và Phụ lục 4 kèm theo)

2. Không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đối với **610/1.710** thôn, tổ dân phố (549 thôn; 61 tổ dân phố), chiếm tỷ lệ 35,67%, cụ thể như sau:

- **Có 539 thôn, tổ dân phố không thực hiện sắp xếp thuộc 86 xã và đặc khu Lý Sơn (538 thôn, 1 tổ dân phố), lý do cụ thể như sau:**

+ Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng): **192** thôn;

+ Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn): **1** tổ dân phố (tổ dân phố 5 thuộc xã Bờ Y có 670 hộ);

+ Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn): **208** thôn;

+ Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông): **138** thôn.

(có Phụ lục 3.1 cụ thể kèm theo)

- **Có 71 thôn, tổ dân phố không thực hiện sắp xếp thuộc 9 phường (11 thôn, 60 tổ dân phố), lý do cụ thể như sau:**

+ Đủ tiêu chuẩn 450 hộ trở lên (đối với đồng bằng): **50** tổ dân phố;

¹⁴ Đặc khu Lý Sơn và 8 xã (Bình Chương, Nghĩa Giang, Lân Phong, Đăk Pxi, Đăk Long, Ia Tơi, Rờ Kơi, Ia Dal) không thực hiện sắp xếp do đạt chuẩn.

+ Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn): **9** tổ dân phố;

+ Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn): **11** thôn;

+ Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông): **1** tổ dân phố (tổ dân phố Ân Phú thuộc phường Trương Quang Trọng có 304 hộ).

(có Phụ lục 3.2 cụ thể kèm theo)

3. Kết quả sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố

Sau khi sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố tỉnh Quảng Ngãi giảm **549/1.710** thôn, tổ dân phố, **đạt tỷ lệ 32,11%** so với tổng số thôn, tổ dân phố toàn tỉnh.

Tổng số thôn, tổ dân phố sau sắp xếp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là **1.161** thôn, tổ dân phố (trong đó có **610** thôn, tổ dân phố **không thực hiện sắp xếp** và **551** thôn, tổ dân phố **hình thành mới sau khi sắp xếp**).

II. PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ, SẮP XẾP NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH SAU SẮP XẾP

1. Thực trạng về số lượng, chất lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố ¹⁵

1.1. Bí thư chi bộ: Có 1.701 bí thư chi bộ trên tổng số 1.710 thôn, tổ dân phố (khuyết 09). (i) Về giới tính: 1.372 nam, 329 nữ; (ii) Về dân tộc: 784 là người dân tộc thiểu số; (iii) Về tôn giáo: 141 người theo tôn giáo (iv) Về độ tuổi: dưới 30 tuổi: 24 đồng chí, từ 30 - dưới 42 tuổi: 583 đồng chí, từ 42 - dưới 50 tuổi: 409 đồng chí, từ 50 - dưới 60 tuổi: 247 đồng chí, từ 60 - 65 tuổi: 248 đồng chí và trên 65 tuổi: 190 đồng chí; (v) Về trình độ học vấn: tiểu học 25 đồng chí, trung học cơ sở 319 đồng chí, trung học phổ thông 1.357 đồng chí; (vi) Về trình độ chuyên môn: chưa qua đào tạo 762, trung cấp 377 đồng chí, cao đẳng 112 đồng chí, đại học trở lên 450 đồng chí; (vii) Về lý luận chính trị: trung cấp 467 đồng chí, cao cấp, cử nhân 72 đồng chí.

1.2. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố: Có 1.707 trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trên tổng số 1.710 thôn, tổ dân phố (khuyết 03). (i) Về giới tính: 1.453 nam, 254 nữ; (ii) Về dân tộc: 774 là người dân tộc thiểu số; (iii) Về tôn giáo: 182 người theo tôn giáo (iv) Về độ tuổi: dưới 30 tuổi: 30 đồng chí, từ 30 - dưới 42 tuổi: 682 đồng chí, từ 42 - dưới 50 tuổi: 442 đồng chí, từ 50 - dưới 60 tuổi: 249 đồng chí, từ 60 - 65 tuổi: 182 đồng chí và trên 65 tuổi: 122 đồng chí; (v) Về trình độ học vấn: tiểu học 58 đồng chí, trung học cơ sở 394 đồng chí, trung học phổ thông 1.255 đồng chí; (vi) Về trình độ chuyên môn: chưa qua đào tạo 891, trung

¹⁵ Nguồn số liệu: sử dụng số liệu đánh giá thực trạng từ Đề án Dân tin – Đảng cử tỉnh Quảng Ngãi.

cấp 416 đồng chí, cao đẳng 115 đồng chí, đại học trở lên 285 đồng chí; (vii) *Về lý luận chính trị*: trung cấp 278 đồng chí, cao cấp, cử nhân 19 đồng chí.

1.3. Trưởng ban công tác Mặt trận: Có 1.694 đồng chí trên tổng số 1.710 thôn, tổ dân phố (khuyết 16). (i) *Về giới tính*: 1.253 nam, 441 nữ; (ii) *Về dân tộc*: 784 là người dân tộc thiểu số; (iii) *Về tôn giáo*: 196 người theo tôn giáo (iv) *Về độ tuổi*: dưới 30 tuổi: 52 đồng chí, từ 30 - dưới 42 tuổi: 578 đồng chí, từ 42 - dưới 50 tuổi: 386 đồng chí, từ 50 - dưới 60 tuổi 262 đồng chí, từ 60 - 65 tuổi: 242 đồng chí và trên 65 tuổi: 174 đồng chí; (v) *Về trình độ học vấn*: tiểu học 85 đồng chí, trung học cơ sở 480 đồng chí, trung học phổ thông 1.129 đồng chí; (vi) *Về trình độ chuyên môn*: chưa qua đào tạo 921 đồng chí, trung cấp 332 đồng chí, cao đẳng 128 đồng chí, đại học trở lên 313 đồng chí; (vii) *Về lý luận chính trị*: trung cấp 313 đồng chí, cao cấp, cử nhân 33 đồng chí.

2. Phương án sắp xếp, kiện toàn các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

2.1. Phương án nhân sự

2.2.1. Xây dựng phương án nhân sự: UBND cấp xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã báo cáo cấp ủy cùng cấp Phương án nhân sự cụ thể đối với các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố. Theo đó, công tác nhân sự trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố gắn liền đồng thời với công tác nhân sự bí thư chi bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030; Khuyến khích thực hiện mô hình Bí thư Chi bộ đồng thời là Trưởng thôn/Tổ trưởng Tổ dân phố hoặc Trưởng ban công tác Mặt trận đối với những thôn, tổ dân phố đạt dưới chuẩn theo quy định của Chính phủ nhưng đạt chuẩn theo yêu tố đặc thù theo hướng dẫn của UBND tỉnh.

Phương án bố trí, sử dụng phải gắn với yêu cầu cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ theo tinh thần Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 4523/UBND-NC ngày 20/5/2026 của UBND tỉnh¹⁶ về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, theo hướng:

- Thực hiện chế độ hợp đồng thực hiện nhiệm vụ công chức, viên chức đối với các vị trí cần thiết, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

- Lựa chọn, giới thiệu người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự bố trí theo quy định.

- Thực hiện quy trình bầu hoặc chỉ định, kiện toàn trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố cho phù hợp theo quy định tại Đề án thực hiện mô hình “Dân tin - Đảng cử” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Điều 4 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP. Theo đó: Thực hiện bầu hoặc kiện toàn trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố đối với thôn,

¹⁶ về triển khai thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 08/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

tổ dân phố không sắp xếp, tổ chức lại hoàn thành **trước ngày 30/6/2026**. Đối với thôn, tổ dân phố thực hiện sắp xếp, tổ chức lại, trước mắt chỉ định trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố hoàn thành **trước ngày 30/6/2026**; tổ chức bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoàn thành **trước ngày 31/7/2026**. Việc kiện toàn nhân sự Bí thư chi bộ được tiến hành ngay sau khi đã hoàn thành việc bầu hoặc chỉ định, kiện toàn trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

- Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị nhân sự bí thư chi bộ, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, trưởng ban công tác Mặt trận mà **không có nhân sự đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định** thì UBND cấp xã phải báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã xin ý kiến của Ban Tổ chức Tỉnh ủy cho ý kiến trước khi thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự.

2.2.2. Về điều kiện, tiêu chuẩn: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, Đề án số 10-ĐA/TU ngày 27/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện mô hình “Dân tin - Đảng cử” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh. Cụ thể:

a) Đối với chức danh Bí thư Chi bộ, Trưởng ban Công tác Mặt trận:

Thực hiện theo Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban công tác Mặt trận; Đề án số 10-ĐA/TU ngày 27/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện mô hình “Dân tin - Đảng cử” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố

- Tiêu chuẩn chung: Thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

- Tiêu chuẩn cụ thể: Thực hiện theo Đề án số 10-ĐA/TU ngày 27/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện mô hình “Dân tin - Đảng cử” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi:

+ Là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, tổ dân phố hoặc cư trú thường xuyên tại địa bàn cấp xã. Trường hợp không có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, tổ dân phố phải đáp ứng các yêu cầu sau: (1) Là người am hiểu về phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa của thôn, tổ dân phố; (2) Có bề dày kinh nghiệm, nắm vững địa bàn; (3) Có uy tín, tín nhiệm cao với người dân ở thôn, tổ dân phố.

+ Phải tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên, biết sử dụng máy vi tính, công nghệ thông tin; quan tâm xem xét người có trình độ đại học trở lên còn trẻ tuổi, có nhiệt huyết với sự phát triển của địa phương. Những nơi thật sự khó khăn về nguồn nhân sự, chưa bảo đảm về lý luận chính trị hoặc trình độ học vấn thì ban thường vụ cấp ủy cấp xã xem xét, quyết định cho ý kiến cụ thể đối với từng trường

hợp và có biện pháp tích cực tạo nguồn thay thế để bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định. Có kỹ năng vận động, tuyên truyền và thuyết phục quần chúng Nhân dân.

+ Về tuổi đời: Thực hiện theo quy định ý thứ 6 tiết a điểm 2.1 tiểu mục 2, mục III Phần thứ ba Đề án số 10-ĐA/TU ngày 27/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện mô hình “Dân tin - Đảng cử” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Về chế độ chính sách

- Thực hiện chế độ, chính sách cho người hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND ngày 30/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức phụ cấp, mức hỗ trợ, việc kiêm nhiệm chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Giải quyết chế độ, chính sách cho những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

2.3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

- Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp Trường Chính trị xây dựng Kế hoạch đào tạo Trung cấp lý luận chính trị đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

- Sở Nội vụ chủ trì xây dựng kế hoạch và phối hợp với Trường Chính trị, các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ 03 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ.

- Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Trung tâm Chính trị khu vực thực hiện bồi dưỡng đối với các chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố. Hằng năm ưu tiên bố trí nguồn kinh phí tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ theo các chức danh cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

2.4. Phương án sắp xếp, xử lý trụ sở nhà văn hoá và các thiết chế văn hoá tại thôn, tổ dân phố sau khi sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố

Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát trụ sở nhà văn hoá, tài sản công đối với các thôn, tổ dân phố và xây dựng phương án sắp xếp, bố trí, sử dụng nhà văn hóa và các thiết chế liên quan của thôn, tổ dân phố theo quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và phù hợp với thực tiễn như:

Việc sử dụng, sắp xếp Nhà sinh hoạt cộng đồng, Nhà văn hóa sau sắp xếp thôn, tổ dân phố phải bảo đảm phù hợp với quy mô dân cư, điều kiện địa lý, phong tục, tập quán, nhu cầu sinh hoạt cộng đồng và khả năng quản lý, vận hành của chính quyền cấp xã; không làm gián đoạn hoạt động họp dân, sinh hoạt chi bộ,

sinh hoạt Ban Công tác Mặt trận, các chi hội, đoàn thể, tổ hòa giải, tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các hoạt động văn hóa, thể thao của Nhân dân.

Đối với thôn, tổ dân phố mới hình thành sau sắp xếp, ưu tiên lựa chọn một Nhà sinh hoạt cộng đồng hoặc Nhà văn hóa làm điểm sinh hoạt chính trên cơ sở các tiêu chí: vị trí trung tâm tương đối so với khu dân cư; giao thông đi lại thuận lợi; diện tích, công năng, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu sử dụng; tình trạng pháp lý, hiện trạng xây dựng rõ ràng; có khả năng sửa chữa, nâng cấp, mở rộng khi cần thiết; bảo đảm an toàn phòng, chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và tiếp cận thuận lợi cho người dân.

Trường hợp thôn, tổ dân phố mới có địa bàn rộng, dân cư phân tán, địa hình chia cắt hoặc có nhiều cụm dân cư cách xa nhau, UBND cấp xã xem xét duy trì thêm điểm sinh hoạt cụm dân cư từ cơ sở vật chất hiện có để phục vụ hội họp, sinh hoạt cộng đồng, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, phòng chống thiên tai, bảo đảm an ninh, trật tự; việc duy trì phải được xác định rõ mục đích sử dụng, đơn vị quản lý, kinh phí vận hành và không làm phát sinh tổ chức tự quản trái quy định.

Việc lựa chọn, điều chỉnh nơi đặt Nhà sinh hoạt cộng đồng, Nhà văn hóa phải được công khai trong Đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố của cấp xã; lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan; bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu quản lý nhà nước, hiệu quả sử dụng tài sản công và sự đồng thuận của Nhân dân. Đối với nhà văn hóa, nhà rông, nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với không gian văn hóa truyền thống của làng đồng bào dân tộc thiểu số, tín ngưỡng, tôn giáo hoặc di tích, thiết chế văn hóa đặc thù, việc sắp xếp, chuyển đổi công năng phải thận trọng, có ý kiến của cộng đồng, người có uy tín, già làng, chức sắc tôn giáo nếu có và cơ quan chuyên môn về văn hóa, dân tộc, tôn giáo trước khi quyết định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc, theo dõi, kiểm tra kịp thời hướng dẫn UBND cấp xã các vướng mắc phát sinh trong quá tổ chức thực hiện Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố và kịp thời báo cáo hoặc tham mưu trình cấp thẩm quyền báo cáo Bộ Nội vụ theo qui định.

- Tham mưu UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh sách đối tượng giải quyết chế độ, chính sách cho người hoạt động không chuyên trách ở xã đang hỗ trợ công việc khi không tiếp tục bố trí công tác tại thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp tổ chức bồi dưỡng cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì hướng dẫn việc bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị địa phương có liên quan hướng dẫn việc bố trí nguồn kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định; hướng dẫn việc sắp xếp, bố trí, sử dụng nhà văn hóa và các thiết chế liên quan của thôn, tổ dân phố.

- Nghiên cứu, tham mưu ban hành Quy chế mẫu về quản lý, khai thác, sử dụng tài sản công ở thôn, tổ dân phố (nhà văn hóa, nhà sinh hoạt, ...) giao cho thôn, tổ dân phố quản lý, khai thác nhằm phát huy hiệu quả tốt nhất, tránh sử dụng sai mục đích hoặc bỏ không gây lãng phí

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan đầu tư trang bị cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ thông tin, hạ tầng số cho thôn, tổ dân phố (*đường truyền internet, máy vi tính, máy in, máy scan...*) nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị ở cơ sở; đồng thời, đầu tư, bố trí địa điểm sinh hoạt để bảo đảm các điều kiện cho thôn, tổ dân phố hoạt động hiệu quả. Đảm bảo đến cuối năm 2026 thôn, tổ dân phố được đầu tư trang bị đầy đủ trang thiết bị làm việc.

3. Công an tỉnh

- Chỉ đạo lực lượng công an cấp xã chủ động nắm tình hình địa bàn; phối hợp với chính quyền địa phương các cấp trong việc rà soát, cung cấp số liệu hộ gia đình cư trú trên địa bàn; kịp thời tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương xử lý các vấn đề phát sinh về an ninh trật tự trong quá trình sắp xếp thôn, tổ dân phố; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không để hình thành điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở;

- Phối hợp với các địa phương hướng dẫn việc rà soát, kiện toàn, bố trí lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phù hợp với việc sắp xếp thôn, tổ dân phố.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy định hướng thông tin, tuyên truyền những nhiệm vụ trọng tâm tập trung thực hiện về sắp xếp thôn, tổ dân phố; quản lý chặt chẽ công tác thông tin, tuyên truyền, nhất là trên không gian mạng; phối hợp với các cơ quan liên quan phát hiện, xử lý nghiêm hành vi phát tán thông tin sai trái, xuyên tạc, tin giả gây hoang mang cho xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến việc sắp xếp thôn, tổ dân phố.

5. Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản có liên quan đến tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và đội ngũ người hoạt động không chuyên trách; hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; tăng cường kiểm tra, hướng dẫn địa phương trong phạm vi lĩnh vực quản lý ngành, lĩnh vực được phân công.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Căn cứ Phương án tổng thể của tỉnh chủ động rà soát, xây dựng, hoàn thiện Đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố¹⁷ phù hợp với Phương án này và tình hình thực tiễn của địa phương để triển khai ngay việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn, báo cáo xin ý kiến lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ cấp ủy cùng cấp, đảm bảo sự đồng bộ trong việc thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các thôn, tổ dân phố ở địa phương mình.

- Tiếp tục rà soát, xem xét khuyến khích tình giảm thêm đầu mỗi thôn, tổ dân phố ở những nơi còn nhiều đầu mỗi, còn có điều kiện có thể sắp xếp tinh giảm thêm so với phương án này, đặc biệt đối các địa phương có số lượng thôn, tổ dân phố sau sắp xếp tại Phương án này còn từ 15 thôn, tổ dân phố trở lên¹⁸.

- Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân theo đúng quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và lập hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua Đề án bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định về trình tự, thủ tục hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ và tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện; **hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2026.**

- Tuyên truyền, phổ biến và vận động quần chúng Nhân dân đồng tình ủng hộ Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố đã được Ban Thường vụ cấp ủy cùng cấp thống nhất xây dựng.

- Có biện pháp để ổn định, đảm bảo tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; thực hiện quy trình bầu hoặc chỉ định, kiện toàn trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố cho phù hợp theo quy định tại Đề án thực hiện mô hình “Dân tin - Đảng cử” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Điều 4 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

- Rà soát, bố trí địa điểm, đảm bảo các điều kiện phục vụ sinh hoạt cộng đồng dân cư ở những địa bàn thực hiện tổ chức, sắp xếp lại thôn, tổ dân phố.

- Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan đầu tư trang bị cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ thông tin, hạ tầng số cho thôn, tổ dân phố (*đường truyền internet, máy vi tính, máy in, máy scan...*) nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị ở cơ sở; đồng thời, đầu tư, bố trí địa điểm sinh hoạt để bảo đảm các điều kiện cho thôn, tổ dân phố hoạt động hiệu quả. Đảm bảo đến cuối năm 2026 thôn, tổ dân phố được đầu tư trang bị đầy đủ trang thiết bị làm việc.

- Chủ động tham mưu trình cấp ủy cùng cấp phương án sắp xếp, bố trí nhân sự những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và các chức danh khác ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND

¹⁷ Nội dung Xây dựng Đề án đã được UBND tỉnh chỉ đạo địa phương chủ động xây dựng và rà soát so với Phương án của UBND tỉnh tại Công văn số 4695/UBND-NC ngày 22/5/2026

¹⁸ **Gồm các phường:** Trương Quang Trọng, Cẩm Thành, Nghĩa Lộ, Đức Phổ, Kon Tum, Đăk Cẩm; **các xã:** Tịnh Khê, An Phú, Bình Sơn, Vạn Tường, Đông Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Vệ Giang, Nghĩa Giang, Sơn Hạ, Sơn Hà, Ngọc Bay, Đăk Rơ Wa, Đăk Hà, Đăk Tô, Măng Ri, Bờ Y, Măng Đen, Măng Bút, Kon Plông.

ngày 30/5/2026 của HĐND tỉnh. Đồng thời, xây dựng phương án sắp xếp, quản lý cơ sở vật chất phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương.

- Giải quyết chế độ, chính sách cho những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

- **Thực hiện báo cáo vào thứ tư hàng tuần** kết quả triển khai Đề án sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố; tiến độ bầu cử, chỉ định bí thư chi bộ, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, trưởng ban công tác Mặt trận ở địa phương mình về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) để tổng hợp báo cáo Đảng ủy UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, chỉ đạo.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Thực hiện quy định của pháp luật và hướng dẫn của cấp thẩm quyền.

Trên đây là Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC(Vi815).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Ngọc